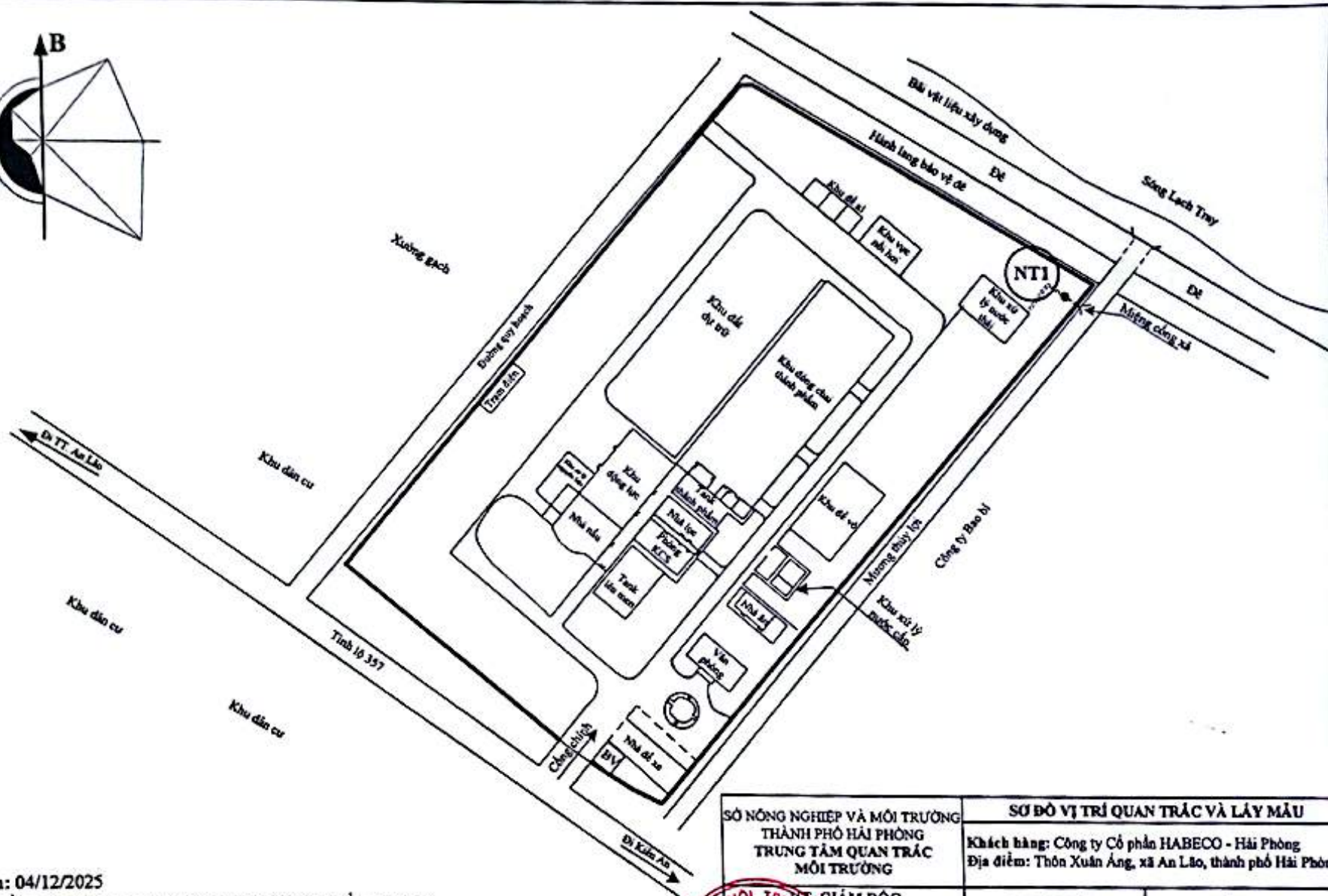
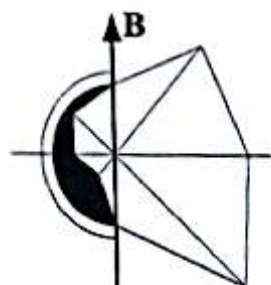




Ghi chú:

Ngày thực hiện: 04/12/2025

ĐKTT: Trời nhiều mây, không mưa nhiệt độ TB 22,0°C, độ ẩm TB 62%,

áp suất 101,2kPa, gió hướng Đông Bắc, tốc độ gió 1,8m/s;

NT: Vị trí lấy mẫu nước thải.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG		SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUAN TRẮC VÀ LẤY MẪU	
		Khách hàng: Công ty Cổ phần HABECO - Hải Phòng Địa điểm: Thôn Xuân Áng, xã An Lão, thành phố Hải Phòng.	
		THỰC HIỆN	KIỂM TRA
ĐAM VĂN QUỲNH		TRẦN QUỐC HUY	PHẠM DUY DƯƠNG



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
HAIPHONG DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING – HPCEM
Add1: 275 Lạch Tray – Gia Viên – Hải Phòng; Tel/Fax (84-225)3733.493
Add2: 159 Ngô Quyền – Lê Thanh Nghi – Hải Phòng; Tel/(84-220)3898.195

Số: 2068/2025/KQQT (1217/008)

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MẪU NƯỚC
RESULT OF WATER MONITORING

Tên khách hàng/ : Công ty Cổ phần Habeco - Hải Phòng Ngày quan trắc/ : 04/12/2025
Name of clients Date of monitoring
Địa điểm lấy mẫu/ : Công ty Cổ phần Habeco - Hải Phòng – Thôn Xuân Áng, Xã An Lão, thành phố
Place of sample Hải Phòng.

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ RESULTS	Quy chuẩn/ Standards ⁽¹⁾
				NT1	
1	^(a) pH	TCVN 6492:2011	-	7,15	6 - 9
2	^(a) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	QT-HT.02	mg/l	342	600

Ghi chú:

- NT1: Mẫu nước thải tại vị trí xả nước thải từ hồ ga xả thải cuối cùng của Nhà máy vào kênh sau cống Đền Cự trước khi xả ra sông Lạch Tray. Tọa độ: 2303369X; 587634Y.
- ⁽¹⁾: Quy chuẩn được áp theo giấy phép môi trường số 953/GPMT-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:
 - QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (cột A; $K_q = 0,9$; $K_r = 1,1$).
 - QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (cột A; $K=1,2$).

^(a): Thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008.

TM. NHÓM QUAN TRẮC

Hải Phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2025.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Duy Dương



Đàm Văn Quỳnh

(*) Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**) Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (*) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
HAIPHONG DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING – HPCEM
Add1: 275 Lạch Tray – Gia Viên – Hải Phòng; Tel/Fax (84-225)3733.493
Add2: 159 Ngô Quyền – Lê Thanh Nghi – Hải Phòng; Tel/(84-220)3898.195

Số: 2246 /2025/KQTN (1245/008)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

Tên mẫu/ : Nước thải. Ngày lấy mẫu/ : 04/12/2025
Name of sample Date of sampling
Tên khách hàng/ : Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng. Ngày phân tích/ : 04 – 18/12/2025
Name of clients Date of test
Địa điểm lấy mẫu/ : Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng – Thôn Xuân Áng, Xã An Lão, thành phố
Place of sample Hải Phòng.

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ RESULTS	Quy chuẩn/ Standards ⁽¹⁾
				NT1	
				12041548	
1	^(a) BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2021	mg/l	2,1	29,7
2	^(a) COD	SMEWW 5220C: 2023	mg/l	15,8	74,25
3	^(a) Tổng chất rắn lơ lửng	SMEWW 2540D:2023	mg/l	20,4	49,5
4	^(b) Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	<3,5	4,95
5	^(b) Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	<3,5	12
6	^(a) Sunfua (tính theo H ₂ S)	SMEWW 4500-S ₂ .B&D:2023	mg/l	0,043	0,198
7	^(a) Tổng nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	18,4	19,8
8	^(a) Tổng photpho (tính theo P)	SMEWW 4500P.B&E:2023	mg/l	3,0	3,96
9	^(a) Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,046	4,95
10	^(a) Nitrat	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2023	mg/l	9,0	36
11	^(a) Phosphat	TCVN 6202:2008	mg/l	2,5	7,2
12	^(b) Tổng các chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1: 2009	mg/l	0,15	6
13	^(a) Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100ml	790	3000

(*) Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
HAIPHONG DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING – HPCem
Add1: 275 Lạch Tray – Gia Viên – Hải Phòng; Tel/Fax (84-225)3733.493
Add2: 159 Ngô Quyền – Lê Thanh Nghi – Hải Phòng; Tel/(84-220)3898.195

Số: 2246 /2025/KQTN (1245/008)

Ghi chú:

- NT1 (12041548): Mẫu nước thải tại vị trí xả nước thải từ hồ ga xả thải cuối cùng của Nhà máy vào kênh sau cống Đền Cự trước khi xả ra sông Lạch Tray. Tọa độ: 2303369X; 587634Y.
- ⁽¹⁾: Quy chuẩn được áp theo giấy phép môi trường số 953/GPMT-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (cột A; $K_p = 0,9$; $K_r = 1,1$).
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (cột A; $K=1,2$).
- Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có kết quả dưới giới hạn báo cáo.
- (a): Thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008.
- (b): Thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017.

Hải Phòng, ngày 18 tháng 12 năm 2025.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hải Âu

Nguyễn Văn Tiếp



Nguyễn Văn Tuyền

(*) Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**) Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (H) Phương pháp đo PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCem/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCem.